

Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ

Yên Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị G, sinh năm: 1997; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Trồng trọt; địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Vừ Mí S, sinh năm: 1992; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Trồng trọt; CCCD địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Sùng Thị G và anh Vừ Mí S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị G và anh Vừ Mí S tự nguyện nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Sùng Thị G và anh Vừ Mí S thoả thuận anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là Vừ Mí T, sinh ngày 19/6/2014 và Vừ Mí L, sinh ngày 11/9/2015 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị Sùng Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con, thời điểm giao con kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Sùng Thị G và anh Vừ Mí S đều xác nhận đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của chị Sùng Thị G, do là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên chị G được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Vừ Mí S phải nộp 75.000^d (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Đạng